

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày : 07-8-2018
V/V Ly hôn giữa bà T và ông C,
nuôi con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Trong

Bà Huỳnh Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 117/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Mộng T. Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

-Bị đơn: Ông Lê Văn C. Địa chỉ: ấp V, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình xét xử, bà Nguyễn Mộng T là nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Lê Văn C chung sống từ năm 2013, có đăng ký kết hôn vào năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do ông C mỗi khi say rượu đánh đập bà, bà và gia đình bên chồng có khuyên can nhưng ông C không có thay đổi gì. Ngoài ra, ông C còn mâu thuẫn với gia đình bà. Bà và ông C không sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lê Nguyễn Nhã Vy, sinh ngày: 01/10/2013, con hiện đang sống với ông C, bà yêu cầu được nuôi con, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà và ông C đều làm công nhân thu nhập của bà là 6.000.000 đồng một tháng, còn ông C là 7.500.000 đồng.

Về tài sản chung, về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 15/6/2018 ông Lê Văn C là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của bà T về điều kiện kết hôn là đúng, vợ chồng có đăng ký kết hôn, hiện giấy đăng ký kết hôn ông đang cất giữ, về mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lê Nguyễn Nhã Vy, sinh ngày: 01/10/2013, con đang sống với ông, ông yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án dân sự Thẩm phán tuân thủ các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Những người tham gia phiên tòa: Bà T thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Riêng ông C không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Bà T và ông C chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định, nay bà T yêu cầu ly hôn, ông C không đồng ý ly hôn nhưng vắng mặt không có lý do, thể hiện việc không muốn đoàn tụ gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Ông C và bà T đều có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng và Nhã Vy là nữ nên cần giao con cho bà T nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa bà T không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng: Bà T yêu cầu ly hôn với ông C, Hội đồng xét xử nhận thấy thuộc quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Lê Văn C là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông C có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Tại biên bản hòa giải ngày 15/6/2018 bà T yêu cầu ly hôn, ông C không đồng ý ly hôn nhưng ông C không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông C vắng mặt không có lý do đều đó chứng tỏ ông C cũng không còn quan tâm gì đối với cuộc sống hôn nhân của chính mình. Hội đồng xét xử xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà T và ông C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 19,

53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa bà T đối với ông C.

[4]. Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lê Nguyễn Nhã Vy, sinh ngày: 01/10/2013, cả hai điều có nguyện vọng nuôi con không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy Nhã Vy là nữ hiện nay đã trên 36 tháng tuổi đang sống cùng với ông C, điều kiện kinh tế của cả hai thì như nhau. Tuy nhiên, để đảm bảo về mọi mặt của Nhã Vy nên xét cần giao Nhã Vy cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Quan điểm của Viện kiểm sát: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, bà T nuôi con chung, ông C không phải cấp dưỡng là có căn cứ.

[7]. Về án phí: Bà T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 9, 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Mộng T với ông Lê Văn C.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Nguyễn Nhã Vy, sinh ngày: 01/10/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng (hiện con chung đang do ông C nuôi dưỡng), đến khi con chung tròn 18 tuổi, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Không ai được lợi dụng việc thăm nom con hoặc việc trực tiếp nuôi con để cản trở việc nuôi con hoặc việc thăm nom con, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên còn lại. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002274 ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí